

Bản án số: 857/2024/DS-PT

Ngày: 25 - 9 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Hồng Loan

2. Bà Phạm Thị Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Vũ Xuân Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 18/9/2024 và 25/9/2024, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2024/TLPT-DS ngày 02/02/2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 591/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4466/2024/QĐ-PT ngày 07/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12977/2024/QĐ-PT ngày 28/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH X**

Trụ sở: **Số C, Tổ A**, khu giãn dân M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T** – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hồ Thị Mặc C**, sinh năm 1997; Địa chỉ: **Số A N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** (Giấy ủy quyền ngày 03/4/2023), (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: **Số A T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Quốc Đ1**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **4 Lô B, chung cư T, B L, Khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ**

Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 06/11/2023 tại **Văn phòng công chứng C1, Thành phố Hồ Chí Minh, số A, quyền số 02**), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Nguyễn Văn K – Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H**, (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: **Số A T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**, (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông **Nguyễn Văn Đ** (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2021, đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 01/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH X (có bà Hồ Thị Mặc C đại diện) trình bày:

Ngày 28/01/2021, **Công ty TNHH X** (sau đây viết tắt là **Công ty X**) và ông **Nguyễn Văn Đ** thỏa thuận với nhau về việc vay tiền, **Công ty X** là bên cho vay, còn ông **Đ** là bên vay. Theo thỏa thuận, **Công ty X** cho ông **Đ** vay số tiền là 16.500.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Thực hiện thỏa thuận, **Công ty X** đã giao đủ số tiền cho ông **Đ**, đồng thời ông **Đ** có ký Giấy xác nhận vay tiền ngày 28/01/2021 cho **Công ty X**

Trong thời gian vay tiền, **Công ty X** yêu cầu ông **Đ** thực hiện việc trả lãi theo thỏa thuận, nhưng ông **Đ** không thực hiện. Do bận làm ăn nên **Công ty X** không liên hệ ông **Đ** để yêu cầu trả nợ. Đến tháng 02 năm 2021, **Công ty X** liên lạc với ông **Đ** để yêu cầu trả nợ nhưng không liên lạc được.

Nay, **Công ty X** khởi kiện yêu cầu ông **Đ** trả số tiền gốc là 16.500.000.000 đồng và tiền lãi như sau:

- Tiền lãi từ ngày 28/01/2021 đến ngày 28/02/2021 là 264.000.000 đồng (lãi suất 1.6%/tháng);

- Tiền lãi từ ngày 01/3/2021 đến ngày 28/02/2023 là 9.900.000.000 đồng (lãi suất 30%/năm).

- Tiền lãi từ ngày 01/3/2023 đến tháng 7/2023 là 2.062.500.000 đồng (lãi suất 30%/năm).

Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/3/2023 là 28.726.500.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu ông **Đ** thanh toán toàn bộ án phí theo quy định pháp luật. **Công ty X** yêu cầu một mình ông **Đ** trả nợ gốc, lãi; Không yêu cầu bà **Nguyễn Thị H** là vợ của ông **Đ** liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 16.500.000.000 đồng và tiền lãi, tổng cộng là 28.726.500 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ (có ông Trần Quốc Đ đại diện) trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn Đ không biết Công ty TNHH X là công ty nào và ông Đ cũng không thực hiện bất kỳ giao dịch nào với công ty này, nên hoàn toàn không có khoản nợ như nguyên đơn yêu cầu. Ông Đ hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H có bản tự khai trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Đ, đối với tranh chấp trong vụ án này là công việc riêng của chồng bà, bà hoàn toàn không biết và không can thiệp vào, đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 591/2023/DS-ST ngày 27/9/2023, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH X tổng số tiền 28.987.200.000 (hai mươi tám tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 16.500.000.000 (mười sáu tỷ năm trăm triệu) đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 27/9/2023 là 12.487.200.000 (mười hai tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 136.987.200 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 6.600.000 đồng theo Biên lai thu số 0071820 ngày 15/3/2021 và số tiền 57.168.000 đồng theo Biên lai thu số 0036010 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án quận Tân Phú.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự và các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

- Ngày 30/10/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo đề ngày 28/10/2023 của ông Nguyễn Văn Đ (bị đơn), kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì ông không ký bất kỳ giấy tờ vay nợ nào với Công ty TNHH X.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/4/2024: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ** trình bày: Ông không ký tên vào “Giấy xác nhận vay tiền” lập ngày 28/01/2021 với **Công ty TNHH X**. Ông không biết **Công ty X** là công ty nào, ông cũng không vay nợ của **Công ty X**. Vì vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử trung cầu Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông trong “Giấy xác nhận vay tiền” lập ngày 28/01/2021. Các mẫu so sánh, đề nghị Tòa án thu thập tại cơ quan Công an khi ông làm chứng minh nhân dân và căn cước công dân. Ông sẽ nộp tạm ứng chi phí giám định.

* Ông **Trần Quốc Đ1** đại diện bị đơn, thống nhất với ý kiến của bị đơn.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà **Hồ Thị Mặc C** có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/9/2024: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới và không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

* Nguyên đơn **Công ty TNHH X** (ủy quyền cho bà **Hồ Thị Mặc C** đại diện), có văn bản trình bày: Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà **Hồ Thị Mặc C** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư **Nguyễn Văn K** trình bày: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm, bởi các lý do sau đây:

- Cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 16.500.000.000 đồng và tiền lãi, tổng cộng là 19.536.000.000 đồng, nhưng bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 28.987.200.000 đồng;

- Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra không đáp ứng nội dung yêu cầu khởi kiện. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn cho rằng bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 16.500.000.000 đồng. Ngoài giấy xác nhận vay tiền, nguyên đơn không trình bày về việc giao nhận tiền ở đâu, mệnh giá nào. Số tiền vay quá lớn, nên giấy xác nhận vay tiền này không đáp ứng yêu cầu khởi kiện.

* Ông **Nguyễn Văn Đ** (bị đơn) trình bày: Ông vẫn ủy quyền cho ông **Trần Quốc Đ1** đại diện, nhưng ông muốn tự mình trình bày tại phiên tòa, nội dung nào ông không trả lời được thì người đại diện của ông sẽ trả lời. Ông đồng ý với lời trình bày của Luật sư **Nguyễn Văn K**.

Ông không biết nguyên đơn là ai, không vay tiền của nguyên đơn. Ông đã vỡ nợ từ năm 2019, đã đưa vợ con đi nơi khác sinh sống, nhưng ông không đăng

ký tạm trú tại nơi ở mới nên không thể cung cấp sổ tạm trú cho Tòa án. Thời điểm năm 2021, ông cũng không đi nước ngoài nên không có chứng cứ gì về việc đi khỏi nơi cư trú để cung cấp.

Ông không có ý kiến gì đối với các kết luận giám định về “Giấy xác nhận vay tiền” ngày 28/01/2021. Thời điểm trước, ông có ký không nhiều tờ giấy trắng tại cơ quan công chứng và giao cho người đại diện theo ủy quyền của ông thay ông thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan, nên ông không biết “Giấy xác nhận vay tiền” ngày 28/01/2021 do ai làm ra. Ông yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

* Ông **Trần Văn Đ2** là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn đã tự trình bày, nên ông không bổ sung thêm. Lời khai của bị đơn về việc ký không vào giấy trắng đưa cho ông tại các cơ quan công chứng, là không đúng sự thật. Ông sẽ tố cáo bị đơn về tội vu khống người khác.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ** thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và căn cứ vào các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thời hạn kháng cáo.

Ngày 27/9/2023, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử và tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 591/2023/DS-ST, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 16/10/2023, Tòa án tổng đạt bản án sơ thẩm cho bị đơn (có ông **Trần Quốc Đ1** đại diện nhận). Ngày 30/10/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông **Nguyễn Văn Đ** (bị đơn). Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

[1.2] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự.

Bà **Hồ Thị Mặc C** (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn xin vắng mặt; Bà **Nguyễn Thị H** (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, không có

đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại đoạn 3 khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Việc cung cấp, thu thập bổ sung chứng cứ tại cấp phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, theo yêu cầu của bị đơn, Tòa án ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 10127/2024/QĐ-TCGD ngày 08/7/2024, trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông Nguyễn Văn Đ trong “Giấy xác nhận vay tiền” lập ngày 28/01/2021.

Ngày 06/8/2024, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi các Kết luận giám định số 4394/KL-KTHS và số 4394/1/KL-KTHS cho Tòa án. Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ nói trên tại phiên tòa.

[1.4] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Đ (bị đơn) trình bày: Do ông và Luật sư Trần Hoàng V không thống nhất quan điểm, nên Luật sư đã từ chối bảo vệ quyền lợi cho ông tại phiên tòa. Ông đã mời Luật sư Nguyễn Văn K. Để Luật sư có thời gian làm thủ tục, sao chụp và nghiên cứu hồ sơ nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nên ông yêu cầu hoãn phiên tòa.

Xét, vụ án thụ lý từ ngày 02/02/2024 và đã qua 02 lần xét xử. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn đã mời Luật sư Trần Hoàng V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Luật sư Trần Hoàng V đã làm thủ tục theo quy định, đã được sao chụp hồ sơ vụ án. Khi ông Nguyễn Văn Đ thay đổi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Luật sư Nguyễn Văn K cũng đã làm thủ tục bảo vệ và đã được sao chụp hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ (bị đơn) và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, về việc yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm, nhận thấy:

[2.1] Phía bị đơn cho rằng, cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là không có căn cứ, bởi lẽ:

Tại Đơn khởi kiện ngày 03/3/2021 và Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 01/11/2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 16.500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 31/10/2021, tổng cộng là 19.536.000.000 đồng. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/8/2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 16.500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến tháng 7 năm 2023, tổng cộng là 28.726.500.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì: “Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ

trường hợp các bên có thỏa thuận khác”. Ngoài Giấy xác nhận vay tiền ngày 28/01/2021, hai bên không cung cấp chứng cứ nào khác về thỏa thuận tiền lãi và thời gian trả lãi, nên cấp sơ thẩm tính thời gian bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2023), là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Căn cứ “Giấy xác nhận vay tiền” do ông Nguyễn Văn Đ lập ngày 28/01/2021, có nội dung: Công ty TNHH X cho ông Phạm Văn Đ3 vay số tiền 16.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 28/01/2021 đến ngày 27/02/2021), phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất 1.6%/tháng. Kể từ thời điểm ông Nguyễn Văn Đ ký tên vào văn bản này, ông Đ xác nhận là đã nhận đủ số tiền do ông Nguyễn Văn T – Giám đốc Công ty TNHH X chuyển giao. Ông Đ cam kết số tiền trên là cá nhân ông vay để hoạt động kinh doanh, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị H. Ông Đ cam kết sẽ trả lãi và nợ đúng hạn theo thỏa thuận. Phía dưới giấy xác nhận vay tiền có dấu vân tay, chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Văn Đ.

Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm ngày 25/4/2024, ông Nguyễn Văn Đ cho rằng chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trong “Giấy xác nhận vay tiền” ngày 28/01/2021, không phải của ông. Sau khi có các Kết luận giám định số 4394/KL-KTHS và số 4394/1/KL-KTHS cùng ngày 06/8/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trong “Giấy xác nhận vay tiền” ngày 28/01/2021, là của ông Nguyễn Văn Đ, thì ông Đ lại thay đổi lời khai.

Tại phiên tòa ngày 18/9/2024, ông Nguyễn Văn Đ không có ý kiến gì đối với các kết luận giám định, đồng thời cho rằng ông có ký không vào các tờ giấy trắng giao cho người đại diện theo ủy quyền thay ông thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan, nên ông không biết “Giấy xác nhận vay tiền” ngày 28/01/2021 do ai làm ra. Tuy nhiên, ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai nói trên, cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh mối liên hệ giữa những tờ giấy trắng mà ông đã ký không (như ông đã khai) với phía nguyên đơn. Hơn nữa, ông Trần Quốc Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong vụ án, ông Đ1 có mặt tại phiên tòa và cho rằng lời khai của ông Nguyễn Văn Đ về việc ông Đ ký không vào tờ giấy trắng đưa cho ông Đ1, là không đúng sự thật và vu khống đối với ông Đ1. Như vậy, ông Nguyễn Văn Đ đã không nhất quán, không trung thực trong chính lời khai của mình.

[2.3] Về phía nguyên đơn.

Nguyên đơn là một pháp nhân, cho bị đơn vay số tiền 16.500.000.000 đồng, nên việc chi tiền phải có phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi. Mặt khác, căn cứ Nghị định số 101/2012/CP ngày 22/11/2012, Nghị định số 80/2016/CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 16/2019/CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ, thì việc Công ty cho vay số tiền lớn bắt buộc phải chuyển khoản, không được giao bằng tiền mặt.

Hơn nữa, căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 và Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ T1, thì trong quá trình hoạt động, công ty phải thực hiện thủ tục báo cáo thuế. Nhưng hồ sơ vụ án chưa xác định được nguyên đơn đã báo cáo thuế như thế nào? Nguồn tiền vào, ra công ty thực hiện ra sao? Vì khi quyết định những vấn đề liên quan đến tài sản của công ty với số tiền lớn, phải có báo cáo tài chính thu, chi của công ty.

Ngoài ra, tại Giấy xác nhận vay tiền không thể hiện địa chỉ cụ thể, chỉ ghi tại đường T, phường T, quận T. Như vậy, không rõ hai bên giao nhận số tiền 16.500.000.000 đồng tại địa chỉ cụ thể hay giao nhận ngoài đường. Mặt khác, theo Giấy xác nhận vay tiền thể hiện ông Nguyễn Văn T - Giám đốc Công ty X là người giao tiền, vậy cần phải làm rõ ông T có mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm giao tiền hay không? Ông T đem tiền mặt vào Thành phố Hồ Chí Minh bằng cách nào? Khi giao tiền cho bị đơn, nguyên đơn giao loại tiền gì (mệnh giá)?

Những vấn đề nói trên, tại cấp sơ thẩm chưa được đối chất làm rõ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không có mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng không thể làm rõ được những mâu thuẫn này. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm để làm rõ các nội dung nói trên.

[3] Chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải nộp. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0000165 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là không có căn cứ như đã phân tích nói trên, nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ**, về việc đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 591/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm sẽ xem xét khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Nguyễn Văn Đ** không phải nộp. Hoàn trả cho ông **Nguyễn Văn Đ** số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0000165 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ánh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

